TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 234/2018/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Bảo, ngày 20 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 299/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Phạm Thị Mỹ D; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Gi, xã H, huyện B, thành phố Hải Phòng;

2. Anh Phạm Thanh H; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Gi, xã H, huyện B, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự thụ lý số 299/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 đã được thẩm tra tại phiên hòa giải và căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ D và anh Phạm Thanh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ ngày 07/4/2012. Như vậy, hôn nhân này là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận, hạnh

phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ năm 2017 đến nay, anh chị sống ly thân, mỗi người sống một nơi và không quan tâm đến nhau. Nay anh H và Chị D đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ không thành. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Mỹ D và anh Phạm Thanh H.

[2] Về con chung: Anh H và Chị D có 01 con chung là Phạm Khánh Tr, sinh ngày 13/10/2012. Khi ly hôn, anh, chị thỏa thuận: Giao con chung Phạm Khánh Tr cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Xét, sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với thực tế về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh H và Chị D. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của Chị D và anh H.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và Chị D cùng xác nhận anh, chị không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh H và Chị D thỏa thuận: Chị D xin nhận chịu cả lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Xét, thỏa thuận trên phù hợp với quy định theo khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ D và anh Phạm Thanh H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Khánh Tr, sinh ngày 13/10/2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và Chị D cùng xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh H và Chị D mỗi người phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị D nhận nộp cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Chị D đã nộp đủ số tiền lệ phí nêu trên theo biên lai thu số 0001231 ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã H, huyện B, thành phố Hải Phòng;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Văn Tuyến